

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI



Vững bước cùng bạn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2023

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG.	Trang
1.	Thông tin khái quát.	3
2.	Quá trình hình thành và phát triển.	3
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	6
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	6
5.	Định hướng phát triển.	7
6.	Các rủi ro.	8
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.	
1.	Tình hình hoạt động kinh doanh.	10
2.	Tổ chức và nhân sự.	14
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.	16
4.	Tình hình tài chính	16
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	16
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường	18
III	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.	
1.	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.	20
2.	Tình hình tài chính.	23
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	27
4.	Kế hoạch phát triển.	27
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.	
1.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.	29
2.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.	30
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.	
1.	Hội đồng Quản trị.	31
2.	Ủy ban kiểm toán.	34
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc .	38
VI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.	
1.	Ý kiến kiểm toán.	49
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán.	50

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300631013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 01/09/2000 và đã đăng ký thay đổi lần thứ 22 vào ngày 17/12/2021.
- Vốn Điều lệ: 112.914.590.000 đồng.
- Địa chỉ trụ sở chính: 146 E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM.
- Số điện thoại: (84.8) 39 979 292 – 39 979 393
- Số Fax: (84.8) 39 979 555
- Website: www.sfc.com.vn.
- Mã cổ phiếu: **SFC**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

a. Việc thành lập Công ty:

Tiền thân là Công ty Chất đốt Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1975 với chức năng nhiệm vụ chính là đảm bảo phân phối các mặt hàng chất đốt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2000 Công ty Chất Đốt TP.HCM, chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn (viết tắt là SFC), có vốn điều lệ 17 tỷ đồng.

b. Niêm yết:

Công Ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận cho niêm yết tại Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 21/09/2004 theo Quyết định số 31/GPPH.

1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh các mặt hàng: xăng, dầu, nhớt, mỡ, dịch vụ rửa, giữ xe các loại; vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ kinh doanh xăng dầu.
- Hợp tác kinh doanh khai thác mặt bằng, kho bãi, nhà xưởng.
- Đại lý bảo hiểm;
- Các ngành nghề khác theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

b. Địa bàn kinh doanh:

Các Cửa hàng XD, kho bãi, nhà xưởng ... của Công ty hoạt động tại các Quận, Huyện thuộc địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm 5 thành viên có nhiệm kỳ 5 năm do ĐHCĐ bầu ra, là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công ty giữa 2 kỳ ĐHCĐ;
- Ủy ban kiểm toán (UBKT) là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có 02 thành viên do HĐQT phân công. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- Tổng Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm có nhiệm kỳ 3 năm.

Định hướng phát triển:

Năm tài chính 2023 Hội đồng Quản trị đã cùng Ban điều hành phân tích những thuận lợi và khó khăn, những cơ hội, thách thức đối với Công ty để xây dựng định hướng chiến lược cho những năm tiếp theo, nhằm đạt mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty thông qua tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của mình.

a. TẦM NHÌN: Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn - SFC là Công ty phát triển bền vững và hiệu quả, hướng đến mục tiêu trở thành một trong những Công ty kinh doanh bán lẻ xăng dầu uy tín tại Thành phố Hồ Chí Minh.

b. SỨ MỆNH: SFC mang lại sự hài lòng cho khách hàng thông qua sản phẩm và dịch vụ đạt chất lượng cao; cam kết mang lại giá trị cao nhất và sự thịnh vượng cho cổ đông và cán bộ - nhân viên công ty; đồng thời đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

c. GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

- Tuân thủ: Pháp luật, nội quy và các quy chế, quy định, quy trình, ... của Công ty.
- Trung thực: Với khách hàng, đối tác, Công ty và những người xung quanh.
- Chuyên nghiệp: Chuyên tâm và tận tâm với công việc để đạt hiệu quả cao nhất.

6. Các rủi ro:

a. Rủi ro kinh tế:

Sự phát triển ngành xăng dầu gắn với sự phát triển nền kinh tế xã hội và những chính sách kinh tế điều tiết cho ngành nói riêng. Kinh tế phát triển nhanh sẽ làm gia tăng nhu cầu tiêu dùng cá nhân cũng như của cả xã hội và ngược lại

b. Rủi ro thị trường:

Ngành xăng dầu hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nguồn cung cấp xăng dầu của Việt Nam từ sản xuất trong nước và nhập khẩu nên giá xăng dầu sẽ thay đổi theo giá xăng dầu trên thị trường thế giới.

c. Rủi ro pháp luật:

Hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn chịu sự điều chỉnh của các luật, nghị định, thông tư hướng dẫn... liên quan đến công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do đó, rủi ro về việc sửa chữa, thay đổi của các quy định từ các cơ quan quản lý Nhà nước là tất yếu và không thể tránh khỏi.

d. Rủi ro ngành nghề:

Ngành nghề chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu, đây là ngành hàng dễ gây cháy, nổ, hỏa hoạn. Do vậy, Công ty luôn tuân thủ các quy định về công tác ATVSLĐ, Phòng chống cháy nổ, PCCC được triển khai và thực hiện nghiêm trong toàn hệ thống. Đồng thời, Công ty thực hiện đào tạo nâng cao kiến thức, thực hành công tác PCCC cho toàn thể CB NV và mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định nhằm hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

e. Rủi ro tài chính:

Là đơn vị kinh doanh bán lẻ xăng dầu, Công ty thường xuyên bán hàng trả chậm cho một số khách hàng công nghiệp, vận tải đa phần với hình thức tín chấp, vì vậy rủi ro từ việc khách hàng không thực hiện đúng cam kết theo những điều khoản trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính. Để hạn chế tối đa rủi ro này, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời gian nợ một cách cụ thể. Đồng thời, Ban điều hành Công ty thường xuyên theo dõi quản lý công nợ phải thu để đôn đốc thu hồi, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2023 (từ 1/10/2022 đến 30/9/2023). Trong năm tài chính 2023 tình hình thị trường xăng dầu thế giới và trong nước vẫn còn nhiều biến động khó lường về nguồn hàng, giá cả và thù lao. Được sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT, sự hỗ trợ nguồn hàng của Công ty STS và nỗ lực cao của CBCNV, kết quả kinh doanh năm tài chính 2023 của Công ty đạt và vượt kế hoạch được giao. Sau hơn 20 năm cổ phần hoá, SFC đã đạt được những thành công nhất định cụ thể như sau:

1. Những chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu của Cty SFC thực hiện trong những năm qua:

Dvt: Triệu

đồng

Chỉ tiêu	2019 (9T)	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	899.020	912.084	701.516	1.455.151	1.630.377

Lợi nhuận trước thuế	30.348	28.559	28.587	25.530	35.602
Lợi nhuận sau thuế	24.165	22.717	22.677	20.271	28.308
Tổng tài sản	351.822	325.201	249.290	232.539	292.262
Vốn điều lệ	112.915	112.915	112.915	112.915	112.915
Cổ tức (%)	30%	22%	18%	16%	20%

- Doanh thu thực hiện năm nay tăng so với năm trước là do sản lượng xăng dầu bán ra tăng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế trong 5 năm gần nhất là 148,626 tỷ đồng, bình quân mỗi năm 29,725 tỷ đồng. Năm cao nhất là 35,602 tỷ, năm thấp nhất là 25,530 tỷ.
- Cổ tức năm 2023 tăng so với năm 2022.

2. **Tổ chức và nhân sự:**

a. **Danh sách Ban điều hành.**

Ông Trịnh Bá Bộ

- Năm sinh
- Trình độ chuyên môn
- Ngày bổ nhiệm

Tổng Giám đốc

- 1960
- Kỹ sư cơ khí – Cử nhân kinh tế
- 01/01/2021

Bà Bùi Hoài Châu

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:
- Ngày bổ nhiệm

Phó Tổng Giám đốc

- 1968
- Cử nhân kinh tế.
- 01/03/2016

Bà Phạm Thị Thu Nga

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:
- Ngày bổ nhiệm

Kế toán trưởng

- 1970
- Cử nhân Tài chính Kế toán
- 29/03/2019

• **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tại thời điểm ngày 30/9/2023, số lượng người lao động trong Công ty là 177 người.

• **Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:**

- Công tác đào tạo luôn được Công ty chú trọng, đặc biệt là những cán bộ trẻ nhằm nâng cao trình độ, chất lượng hiệu quả công việc. Trong năm, Công ty đã tổ chức huấn luyện cho Người lao động về công tác bảo hộ - an toàn lao động, các kỹ năng, nghiệp vụ xăng dầu, bảo vệ môi trường, PCCN-CNCH; tổ chức lớp đào tạo bồi dưỡng công tác quản lý cho CHT. Công ty đã triển khai quy định tiêu chuẩn đối với từng chức danh cụ thể về: trình độ văn hoá, nghiệp vụ chuyên môn, năng lực,... đối với chức danh quản lý và thời gian phấn đấu với mục đích nâng cao năng lực, trình độ quản lý để đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời gian tới.

- Công ty thực hiện đúng quy định của Nhà nước về chính sách tiền lương, thưởng cũng như các chế độ phúc lợi xã hội cho nhân viên. Hỗ trợ chăm lo đời sống người lao động đảm bảo thu nhập ổn định. Thu nhập năm 2023 cao hơn năm 2022.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

- Năm 2022 Công ty đã đầu tư nâng cấp các CHXD theo nhận diện dấu hiệu thương mại mới, vì vậy trong năm 2023 Công ty sửa chữa cải tạo, bảo trì, bảo dưỡng để đảm bảo an toàn, đảm bảo các yêu cầu quản lý về đo lường, kiểm định PCCC, VSMT theo quy định.
- Công ty đang triển khai thực hiện kết nối trụ bơm bán hàng và hóa đơn điện tử, theo nghị định 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2022	Năm/Year 2023	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	232.539.297.867	292.261.659.477	125,68%
Doanh thu thuần/Net revenue	1.455.093.792.379	1.630.376.761.224	112,05%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	25.374.819.043	22.614.444.456	89,12%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	155.680.180	12.987.972.924	8342,73%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	25.530.499.223	35.602.417.380	139,45%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	20.271.005.204	28.308.717.994	139,65%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio (DOE)</i>	16%	20%	125,00%

"- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2022	Năm/Year 2023	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	2,86	1,67	lần

(Short term Asset/Short term debt)			
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (Short term Asset - Inventories)/Short term Debt	2,68	1,48	lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	23,20%	36,48	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	30,20%	57,44	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho / Inventory turnover: (Doanh thu thuần /Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory))	124,86	125,50	vòng
+Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Asset turnover ratio) (Net revenue/ Average Total Assets)	625,74%	557,85%	%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	1,39%	1,74%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ Average total capital Ratio)	11,35%	15,25%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Average Total assets Ratio)	8,72%	9,69%	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	1,74%	1,39%	%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- a. **Cổ phần:** Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay (chốt danh sách cổ đông ngày 15/11/2023): 11.291.459 cổ phiếu - Trong đó có 56.640 cổ phiếu quỹ.
- b. **Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 15/11/2023:**

HỌ TÊN / TỔ CHỨC SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN	Số lượng	%/VĐL
I. Cá nhân	2.899.607	25,68%
<i>Trong nước</i>	2.823.230	25,00%
+ Trong đó : CBCNV SFC	13.880	0,12%
<i>Nước ngoài</i>	76.377	0,68%
II. Tổ chức	8.391.852	74,32%
<i>Trong nước</i>	8.375.615	74,17%
+ Trong đó : - STS	5.758.634	50,99%
- Saigon Petro	2.259.708	20,01%
- Khác	357.273	3,17%
<i>Nước ngoài</i>	16.237	0,15%
Tổng cộng	11.291.459	100,00%

• **Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:**

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP nắm giữ	Tỷ trọng
1	Công ty CP Dịch Vụ Xăng Dầu Hàng Hải STS	Lầu 1, Số 102 Nguyễn Du, P. Bến Nghé, Q.1	5.758.634	50,99%
2	Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP. HCM	27 Nguyễn Thông, Q.3, TP. HCM	2.259.708	20,01%
3	Lê Trọng Hiếu		1.424.345	12,68%
Tổng cộng			9.442.687	83,68%

c. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Tồn đầu kỳ 30/09/2022: 56.640 CP.
- Mua: 0 CP
- Bán: 0 CP
- Tồn cuối kỳ 30/09/2023: 56.640 CP

d. Cổ tức:

- Thực hiện kế hoạch trả cổ tức năm 2022 đã được ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2022 phê chuẩn, Công ty thực hiện như sau:
- Tháng 12/2022; Công ty đã tạm ứng và thanh toán chi cổ tức bằng tiền tỷ lệ 16%.
- Với kết quả lợi nhuận năm tài chính 2023, Hội đồng Quản trị lập tờ trình phân phối lợi nhuận, đề xuất chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt tỷ lệ 20%.

e. Các chứng khoán khác:

Vốn Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác đến 30/09/2023 là 10.296.000.000 đồng.

- **Cty CP Cà Phê Petec:** Số lượng CP nắm giữ: 29.200 CP, trị giá đầu tư: 296.000.000 đồng; không chi cổ tức.
 - **Cty CP Đầu tư & Phát triển Gia Định (GDI):** Số lượng CP: 625.000 CP, trị giá đầu tư 10 tỷ đồng; không chi cổ tức.
- **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

Xăng dầu là mặt hàng đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và đời sống của con người. Nhưng trong quá trình phân phối, xăng dầu ít nhiều đã gây ô nhiễm môi trường cũng như ảnh hưởng tới sức khỏe của con người, đây là mặt hàng rất dễ cháy nổ, gây nguy hiểm đến tính mạng và tài sản con người. Vì vậy Công ty đã đề ra những giải pháp nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng về kiểm soát chất thải môi trường làm việc, thực hiện chính sách người lao động và trách nhiệm môi trường đối với cộng đồng theo quy định.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm tài chính 2023 tuy có nhiều khó khăn bất thường về thị trường xăng dầu, giá dầu thế giới có nhiều biến động khó lường đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng với sự nỗ lực, chủ động của lãnh đạo, CBNV trong công tác tổ chức bán hàng, quản lý, đầu tư sửa chữa và đảm bảo an toàn các mặt, cùng với sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT, sự hỗ trợ tích cực của Công ty mẹ STS trong việc đảm bảo nguồn hàng và lãi gộp cao so với thị trường, nên lợi nhuận Công ty SFC đạt được tương đối tốt so với cùng ngành hàng kinh doanh. Qua đó đã tăng uy tín đối với người tiêu dùng, làm cơ sở để SFC phát triển trong những năm tới. Cụ thể như sau:

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm tài chính 2023 (từ 01/10/2022 đến 30/9/2023):

- **Lợi nhuận trước thuế** thực hiện năm tài chính 2023: **35,602 tỷ đồng** bằng 128 % so kế **hoạch 27,835 tỷ đồng**, bằng 139% cùng kỳ năm trước.
- **Lợi nhuận sau thuế** thực hiện năm tài chính 2023 là: **28,308 tỷ đồng**,
- **Khả năng sinh lời**
 - Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) : **15,54 %**
 - Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA) : **10,78 %**
 - Thu nhập ròng trên một cổ phiếu (EPS) : **2,226 đồng**.

a. Hoạt động Kinh doanh xăng dầu

- Tổng sản lượng xăng dầu bán 84,0 triệu lít, đạt 102,5% so với kế hoạch 82 triệu lít, bằng 124% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Sản lượng tăng so với kế hoạch do Công ty đầu tư, nâng cấp các CHXD, trang bị dấu hiệu thương mại mới, công tác tổ chức bán hàng có nhiều chuyển biến tích cực qua đó nâng cao uy tín của Công ty đối với khách hàng.

- Lãi gộp xăng dầu năm tài chính 2023 là 74,897 tỷ, bình quân 891 đồng/lít.
- Lợi nhuận trước thuế kinh doanh xăng dầu năm tài chính 2023 đạt 11,273 tỷ đồng, đạt 63% so với kế hoạch, chiếm 32% tổng lợi nhuận.

b. Hoạt động kinh doanh dầu nhờn và khai thác mặt bằng.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 7,290 tỷ đồng, chiếm 20,5% tổng lợi nhuận.

d. Hoạt động tài chính:

- Trong năm tài chính 2023, Công ty đã quản trị tốt nguồn vốn, cùng với việc đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, khai thác hiệu quả dòng tiền nhằm rồi để tăng hiệu quả cho Công ty.
- Lợi nhuận hoạt động tài chính đạt 3,978 tỷ đồng, chiếm 11% tổng lợi nhuận.
- Hoạt động đầu tư tài chính: Vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác đến 30/09/2023 là 10.296.000.000 đồng. Cụ thể các khoản đầu tư như sau:
 - Cty CP Cà Phê Petec: Số lượng CP nắm giữ: 29.200 CP, trị giá đầu tư: 296.000.000 đồng, năm tài chính 2022 công ty không chia cổ tức.
 - Cty CP Đầu tư & Phát triển Gia Định: Số lượng CP: 625.000 CP, trị giá đầu tư: 10 tỷ đồng, năm tài chính 2022 công ty không chia cổ tức.
- Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán: 71, 832, 080 đồng cho khoản đầu tư cổ phần tại Công ty CP Cà phê Petec.
- Lợi nhuận khác: 12,987 tỷ đồng (Công ty hoàn nhập quỹ dự phòng RRBTTTH về môi trường theo thông tư 08/2023/TT-BTC ngày 07/02/2023 và thu nhập khác).

e. Công tác quản lý:

- Trong năm tài chính 2023, HĐQT chỉ đạo Công ty tập trung chủ yếu hoạt động bán lẻ; đầu tư, sửa chữa nâng cấp các cơ sở vật chất, máy móc thiết bị tại các cửa hàng xăng dầu; sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý, đảm bảo hoạt động hiệu quả; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo mọi hoạt động được kiểm soát đúng theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước và các quy trình, quy định của Công ty.
- Xây dựng và hoàn thiện các Quy chế tổ chức bộ máy, lao động tiền lương - tiền thưởng. Quy định quản lý giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty, an toàn và hiệu quả. Tổng Giám đốc đã ban hành các quy định, quy trình.... để triển khai thực hiện các Quy chế, quy định của HĐQT;
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, qua đó kịp thời đưa ra những yêu cầu nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch.
- Công tác kiểm soát chi phí: HĐQT giám sát việc thực hiện chi phí công ty thông qua việc giao định mức chi phí cho hoạt động kinh doanh, đảm bảo tiết kiệm, hợp lý nhưng vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Tình hình tài chính:

Mã số	TÀI SẢN	Năm nay 30/09/2023	Năm trước 30/09/2022	So sánh	So sánh Tốc độ
-------	---------	-----------------------	-------------------------	---------	-------------------

						(+/-)
100	A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	171.496.657.801	105.953.868.078	65.542.789.723	61,86%
110	I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	142.610.009.841	57.319.518.282	85.290.491.559	148,80%
111	1.	Tiền	29.110.009.841	19.319.518.282	9.790.491.559	50,68%
112	2.	Các khoản tương đương tiền	113.500.000.000	38.000.000.000	75.500.000.000	198,68%
120	II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn		30.000.000.000	(30.000.000.000)	-100,00%
130	III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	8.721.036.662	10.944.589.699	(2.223.553.037)	-20,32%
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.117.710.377	10.131.409.028	(2.013.698.651)	-19,88%
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	246.001.000		246.001.000	
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	357.325.285	813.180.671	(455.855.386)	-56,06%
137	4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			0	
140	IV.	Hàng tồn kho	19.351.699.569	6.629.775.512	12.721.924.057	191,89%
141	1.	Hàng tồn kho	19.351.699.569	6.629.775.512	12.721.924.057	191,89%
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)				
150	V.	Tài sản ngắn hạn khác	813.911.729	1.059.984.585	(246.072.856)	-23,21%
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	813.911.729	1.059.984.585	(246.072.856)	-23,21%
153	2.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			0	
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	120.765.001.676	126.585.429.789	(5.820.428.113)	-4,60%
210	I.	Các khoản phải thu dài hạn	5.000.000	5.000.000	-	0,00%
216	1.	Phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000	-	0,00%
220	II.	Tài sản cố định	67.901.271.960	80.266.805.133	(12.365.533.173)	-15,41%
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	15.919.010.510	25.811.334.112	(9.892.323.602)	-38,33%
222		- Nguyên giá	65.300.409.958	73.693.302.454	(8.392.892.496)	-11,39%
223		- Giá trị hao mòn lũy kế	(49.381.399.448)	(47.881.968.342)	(1.499.431.106)	3,13%
227	2.	Tài sản cố định vô hình	51.982.261.450	54.455.471.021	(2.473.209.571)	-4,54%
228		- Nguyên giá	68.731.740.865	68.731.740.865	-	0,00%
229		- Giá trị hao mòn lũy kế	(16.749.479.415)	(14.276.269.844)	(2.473.209.571)	17,32%
230	III.	Bất động sản đầu tư	36.245.362.070	31.286.155.838	4.959.206.232	15,85%
231		- Nguyên giá	49.984.191.858	41.556.799.362	8.427.392.496	20,28%
232		- Giá trị hao mòn lũy kế	(13.738.829.788)	(10.270.643.524)	(3.468.186.264)	33,77%
240	IV.	Tài sản dở dang dài hạn	2.234.800.000	915.900.909	1.318.899.091	144,00%

242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.234.800.000	915.900.909	1.318.899.091	144,00%
250	V.	Đầu tư tài chính dài hạn	6.441.552.000	6.369.720.000	71.832.000	1,13%
253	1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.296.000.000	10.296.000.000	0	0,00%
254	2.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.854.448.000)	(3.926.280.000)	71.832.000	-1,83%
260	VI.	Tài sản dài hạn khác	7.937.015.646	7.741.847.909	195.167.737	2,52%
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	4.967.451.791	5.235.073.226	(267.621.435)	-5,11%
262	2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	2.969.563.855	2.506.774.683	462.789.172	18,46%
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN	292.261.659.477	232.539.297.867	59.722.361.610	25,68%

Tổng Tài Sản đến 30/09/2023 tăng **59,72 tỷ** tương ứng với tỷ lệ tăng **25,68%** so với thời điểm 30/09/2022. Chi tiết như sau :

a.1 Tài Sản ngắn hạn: tăng 65,5 tỷ , tương ứng với tỷ lệ tăng là 91,86 % chủ yếu là do các nhân tố sau :

- **Tiền và các khoản tương đương tiền** tăng 85,3 tỷ tương ứng tỷ lệ tăng là 148,8% so với thời điểm 30/09/2022, chủ yếu là do tăng tiền gửi ngắn hạn ngân hàng.
- **Các khoản phải thu ngắn hạn** giảm 2,2 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 20,32%.
- **Hàng tồn kho** đến 30/09/2023 tăng 12,7 tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng là 191,89% so với thời điểm 30/09/2022.

a.2 Tài sản dài hạn: giảm 5,8 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 4,6% chủ yếu, cụ thể như sau:

- **Tài sản cố định, BĐS đầu tư:** giảm 7,4 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm là 7% chủ yếu là giảm do khấu hao trong kỳ.
- **Tài sản dài hạn khác:** tăng 1,5 tỷ do tăng chi phí dở dang dài hạn.

Nhìn chung, tại thời điểm 30/09/2023 tổng tài sản tăng 59,72 tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng **25,68%** so thời điểm 30/09/2022, chủ yếu tăng hàng tồn kho và tiền gửi ngắn hạn, các chỉ tiêu tài sản khác biến động không đáng kể.

Mã số		NGUỒN VỐN	Năm nay 30/09/2023	Năm trước 30/09/2022	So sánh	So sánh Tốc độ (+/-)
300	C.	NỢ PHẢI TRẢ	106.622.966.717	53.938.432.183	52.684.534.534	97,68%
310	I.	Nợ ngắn hạn	102.598.462.617	37.082.949.083	65.515.513.534	176,67%
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	10.434.634.108	5.175.134.097	5.259.500.011	101,63%
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	222.623.260	160.643.069	61.980.191	38,58%
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	26.452.092.233	13.435.449.567	13.016.642.666	96,88%
314	4.	Phải trả người lao động	7.399.343.551	4.241.937.870	3.157.405.681	74,43%
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	619.835.063	299.148.747	320.686.316	107,20%

318	6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	214.303.130	195.408.926	18.894.204	9,67%
319	7.	Phải trả ngắn hạn khác	17.151.613.012	13.127.251.635	4.024.361.377	30,66%
320	8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	38.000.000.000		38.000.000.000	
322	9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.104.018.260	447.975.172	1.656.043.088	369,67%
330	II.	Nợ dài hạn	4.024.504.100	16.855.483.100	(12.830.979.000)	-76,12%
337	1.	Phải trả dài hạn khác	4.024.504.100	5.564.024.100	(1.539.520.000)	-27,67%
342	2.	Dự phòng phải trả dài hạn		11.291.459.000	(11.291.459.000)	-100,00%
400	D.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	185.638.692.760	178.600.865.684	7.037.827.076	3,94%
410	I.	Vốn chủ sở hữu	185.638.692.760	178.600.865.684	7.037.827.076	3,94%
411	1.	Vốn đầu tư chủ sở hữu	112.914.590.000	112.914.590.000	0	0,00%
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần	9.220.495.600	9.220.495.600	0	0,00%
415	3.	Cổ phiếu quỹ	(1.414.603.444)	(1.414.603.444)	0	0,00%
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển	39.398.471.894	39.398.471.894	0	0,00%
421	5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.519.738.710	18.481.911.634	7.037.827.076	38,08%
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	292.261.659.477	232.539.297.867	59.722.361.610	25,68%

Phân tích Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Tổng nợ phải trả đến thời điểm 30/09/2023 **59,72 tỷ** tương ứng với tỷ lệ tăng **25,68%** so với cùng thời điểm 30/09/2022 chi tiết như sau:

b.1 - Nợ ngắn hạn: Tăng 65,5 tỷ, tương ứng với tỷ lệ tăng là 176,7% cụ thể như sau:

- **Các khoản phải trả người bán :** tăng 5,3 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 101,6% so với thời điểm 30/09/2022.
- **Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:** tăng 13 tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng 96,88% chủ yếu là nộp thuế bảo vệ môi trường do sản lượng bán ra tăng so với cùng kỳ 2022.
- **Nợ vay ngắn hạn:** tăng 38 tỷ so với thời điểm 2022 do tăng nợ vay Ngân Hàng.
- **Quỹ khen thưởng phúc lợi ,các khoản phải trả ngắn hạn khác, trả người lao động** tăng hơn 4,8 tỷ so với thời điểm cuối năm 2022

b.2 - Nợ dài hạn năm 2023: giảm 12,83 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 76,12% so với cùng kì năm trước chủ yếu là do trong năm Công ty đã hoàn nhập dự phòng Quỹ rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo thông tư 08/223/TT/BTC hiệu lực từ ngày 24/3/2023, bãi bỏ toàn bộ thông tư 86/206/TT/BTC ban hành ngày 20/6/2016.

- **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:**

Tập trung xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty được tiến hành bài bản, chính quy, an toàn và hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, nhắc nhở các đơn vị nghiêm túc thực hiện các quy trình, quy định, hướng dẫn... nhằm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.

Tổ chức cơ cấu các chức năng nhiệm vụ các phòng gồm: Phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Kế toán – Tài chính, phòng Kinh doanh - Tổng hợp, phòng Quản lý kỹ thuật.

Tổ chức kiểm tra kiểm soát chất lượng xăng dầu trong toàn bộ hệ thống phân phối của mình từ khâu giao nhận, vận chuyển và hoạt động kinh doanh trên thị trường, nhằm bảo đảm chất lượng xăng dầu tốt nhất đến tay người tiêu dùng.

Công tác kiểm soát chi phí: HĐQT giám sát việc thực hiện chi phí công ty thông qua việc giao định mức chi phí cho hoạt động kinh doanh, đảm bảo tiết kiệm, hợp lý nhưng vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty.

- **Kế hoạch phát triển:**

Năm tài chính 2024, Hội đồng Quản trị đã cùng Ban điều hành phân tích những thuận lợi và khó khăn, những cơ hội, thách thức đối với Công ty để xây dựng định hướng chiến lược cho những năm tiếp theo, nhằm đạt mục tiêu phát triển lâu dài Công ty thông qua tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của mình.

a. **Kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2024:**

- **Tổng lợi nhuận trước thuế :** **29,414 tỷ đồng.**
- **Tỷ lệ Cổ tức dự kiến:** **12 % trên vốn điều lệ.**

b. **Các Biện pháp thực hiện**

- Cung cấp hàng hoá xăng dầu đúng về chất lượng, đủ về số lượng, minh bạch rõ ràng đảm bảo thực hiện đúng theo các quy định của Nhà nước. Chú trọng công tác chăm sóc tốt các khách hàng hiện hữu, phát triển thêm nhiều khách hàng mới bằng nhiều chính sách bán hàng linh hoạt phù hợp với tình hình thị trường.
- Ứng dụng đầu tư công nghệ trong hoạt động chung của Công ty, đặc biệt là trong công tác quản lý, công tác bán hàng nhằm tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động, đồng thời mang đến cho khách hàng tiện ích mới, tối ưu góp phần tăng tính cạnh tranh và hình ảnh Công ty.
- Tập trung đẩy mạnh bán dầu nhờn thông qua mạng lưới kinh doanh tại 18 Cửa hàng xăng dầu, đẩy mạnh bán dầu nhờn cho các khách hàng vận tải, nhà máy, khu công nghiệp, công trình... Công ty xây dựng và triển khai chương trình trực tiếp giới thiệu và bán sản phẩm dầu nhờn đến các khách hàng.
- Tổ chức ca bán hàng với số lượng lao động hợp lý, bố trí giờ bán hàng phù hợp và chú trọng tăng cường lao động bán hàng vào giờ cao điểm để phục vụ tốt khách hàng.
- Đầu tư cải tạo, sửa chữa các Cửa hàng Kinh doanh xăng dầu khang trang, sạch đẹp phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh thực tế tại Cửa hàng xăng dầu; đầu

tư các thiết bị công nghệ mới cho hệ thống bán lẻ xăng dầu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng sản lượng bán ra.

- Tận dụng, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất hiện có để tăng doanh thu mảng dịch vụ mặt bằng của Công ty. Tuy nhiên, phải đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật.
- Xây dựng bổ sung và sửa đổi để ban hành các quy chế, quy định, quy trình phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị; Thực hiện và giám sát một cách triệt để các quy trình quy định của Công ty, đảm bảo tuyệt đối về công tác an toàn PCCC, chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. Đảm bảo tất cả các hoạt động của Công ty phải được giám sát, kiểm tra tuân thủ đúng, đủ các quy trình, quy định của Công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước; phát huy vai trò kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn các đơn vị thực hiện của các phòng chức năng Công ty;
- Sắp xếp bộ máy tổ chức hoạt động Công ty tinh gọn, đảm bảo sự phù hợp, hiệu quả trong quản lý. Chú trọng công tác tuyển dụng, tổ chức đào tạo bồi dưỡng cho Cán bộ lãnh đạo, nhân viên nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng bán hàng... và mục tiêu cuối cùng là đảm bảo việc quản trị công ty một cách hiệu quả, quản lý và phục vụ khách hàng một cách tốt nhất;
- Hội đồng Quản trị thực hiện cơ chế giao chi phí hoạt động cho Công ty, đảm bảo việc kiểm soát chi phí đúng, đủ, phù hợp và tạo cơ chế chủ động cho Ban điều hành Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện họp định kỳ hàng quý để xây dựng định hướng phát triển và hoạch định chiến lược, giao các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính cho Ban điều hành. Trong những phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành Công ty. Hội đồng Quản trị đã xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty để kịp thời đưa ra những quyết định, chỉ đạo Tổng Giám Đốc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch, triển khai thực hiện các dự án và giải quyết các báo cáo, tờ trình, kiến nghị của Ban điều hành cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Thực hiện trả cổ tức năm tài chính 2022 bằng tiền mặt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên là 16 % trên VĐL.
- Năm tài chính 2023, do tình hình kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Công ty đã đạt được kết quả nhất định, đảm bảo an toàn các mặt, chấp hành tốt các quy định của nhà nước và các nghị quyết của HĐQT.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban điều hành:

- Hội đồng Quản trị chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua các Nghị quyết; đồng thời phân công một số thành viên trực tiếp làm việc, hỗ trợ Ban điều hành để giải quyết những vướng mắc, khó khăn.

- Định kỳ, Hội đồng Quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo tình hình quản lý, quản trị và điều hành Công ty, những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh và chỉ đạo các công việc liên quan đến thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Hoạt động của Ban điều hành đều tuân thủ theo pháp luật, điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:

- Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp do ảnh hưởng xung đột chính trị sẽ ảnh hưởng đến tình hình kinh tế trong nước. Thị trường xăng dầu Thế giới và Việt Nam có nhiều biến động khó lường.
- Từ những tác động trên, dự báo cho rằng năm tài chính 2024 kinh tế tiếp tục khó khăn, do đó kế hoạch kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa trên những đánh giá nhằm đảm bảo sự an toàn, ổn định và phát triển bền vững.
- Tập trung phát triển kinh doanh xăng dầu, phát triển các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.
- Đánh giá, điều chỉnh bổ sung những chính sách phát triển kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế để thu hút khách hàng.
- Đầu tư khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật để gia tăng lợi thế cạnh tranh.
- Tiếp tục công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực luôn đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty, đáp ứng nhu cầu thay thế và bổ sung cán bộ. Tiếp tục xây dựng đội ngũ bán hàng với phong cách phục vụ chuyên nghiệp, ứng xử văn minh lịch sự.
- Gia tăng lợi ích cho người lao động, Cổ đông và lợi ích cho cộng đồng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng Quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:

- Tại đại hội cổ đông thường niên 2022 và nhiệm kỳ VI (2022-2027) được tổ chức vào ngày 15/12/2022 Đã bầu Hội đồng Quản trị bao gồm 5 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập cụ thể như sau:

Ông Lê Trọng Hiếu

Chủ tịch

- Năm sinh: 1968
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Vũ Hùng

Thành viên

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD

Ông Trịnh Bá Bộ

Thành viên – Tổng giám đốc Công ty.

- Năm sinh: 1960

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Thương Mại Năng Lượng và Tài Chính

Ông Nguyễn Văn Khoa

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

Thành viên độc lập – Chủ tịch UBKT

- 1962
- Cử nhân Tài chính Kế toán

Ông Phan Ngọc Hùng

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

Thành viên

- 1979
- Thạc sĩ kinh tế

b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Các cuộc họp của HĐQT:

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện họp định kỳ hàng quý và đột xuất để đánh giá thực hiện kế hoạch và chỉ đạo định hướng phát triển Công ty. Trong năm tài chính 2023, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 17 cuộc họp thường kỳ và ban hành 21 nghị quyết. Trong những phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ủy ban Kiểm toán, Ban Điều hành Công ty. Hội đồng Quản trị đã xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty để kịp thời đưa ra những quyết định và chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch được giao, triển khai thực hiện các dự án và giải quyết các báo cáo, tờ trình, kiến nghị của Ban điều hành cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch theo đúng quy định về công bố thông tin định kỳ, bất thường, các báo cáo tài chính hàng quý, giữa niên độ và năm. Báo cáo tài chính kiểm toán, báo cáo thường niên được công bố trên trang website của Công ty.

Nội dung chính của các cuộc họp Hội đồng Quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung Nghị quyết
1	13/2022/NQ-NLSG	17/10/2022	- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và tạm ứng cổ tức năm tài chính 2022.
2	14/2022/NQ-NLSG	26/10/2022	- Vay vốn NH Vietcombank.
3	15/2022/NQ-NLSG	26/10/2022	- Trích bổ sung quỹ tiền lương tháng 13 năm 2022 cho CBCNV làm việc tại Công ty và quyết toán lương TGD. Quyết toán thù lao của HĐQT theo tỷ lệ % lợi nhuận thực hiện trước thuế đạt được năm 2022.
4	16/2022/NQ-NLSG	16/11/2022	- Giao các chỉ tiêu chính kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2023 .
5	17/2022/NQ-NLSG	16/11/2022	- Chuyển tên quyền sở hữu cổ phiếu thường từ tên tổ chức Công đoàn, sang tên từng thành viên hiện

			đang sở hữu. - Lựa chọn thời điểm phù hợp chào bán số lượng cổ phiếu thưởng còn lại, thu tiền đưa vào lợi nhuận của Công ty.
6	18/2022/NQ-NLSG	16/11/2022	- Nội dung cơ bản các tờ trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2022
7	19/2022/NQ-NLSG	24/11/2022	- Nội dung trình ĐHCĐ danh sách các đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.
8	20/2022/NQ-NLSG	07/12/2022	- Nội dung tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
9	21/2022/NQ-NLSG	15/12/2022	- Bỏ phiếu bầu Ông Lê Trọng Hiếu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ VI (2023-2027), kể từ ngày 15/12/2022.
10	22/2022/NQ-NLSG	15/12/2022	- Phân công nhiệm vụ các TV HĐQT.
11	23/2022/NQ-NLSG	27/12/2022	- Nội dung ký hợp đồng mua dầu nhờn Revotec với Công ty Cổ phần dầu nhờn S.T.S.
12	01/2023 NQ-NLSG	13/01/2023	- Nội dung các điều khoản ký hợp đồng mua xăng dầu năm 2023.
13	02/2023 NQ-NLSG	13/01/2023	- Bổ sung quỹ tiền lương kế hoạch cho CBCNV năm 2023.
14	03/2023/NQ-NLSG	09/03/2023	- Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm tài chính 2023.
15	04/2023/NQ-NLSG	18/04/2023	- Quy chế công bố thông tin của Công ty.
16	05/2023/NQ-NLSG	27/04/2023	- Bỏ nhiệm cán bộ Công ty.
17	06/2023/NQ-NLSG	28/04/2023	- Vay vốn Ngân hàng TNHH CTCB- Chi Nhánh TP.HCM
18	07/2023/NQ-NLSG	17/07/2023	- Sửa đổi tổ chức cơ cấu bộ máy quản lý và điều hành Công ty SFC
19	08/2023/NQ-NLSG	17/07/2023	- Thành lập địa điểm kinh doanh mới và chấm dứt hoạt động các Chi Nhánh trực thuộc Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn.
20	09/2023/NQ-NLSG	28/08/2023	- Thực hiện triển khai hệ thống phần mềm quản lý kết nối trụ bơm bán hàng, hóa đơn điện tử tại các Cửa hàng xăng dầu.
21	10/2023/NQ-NLSG	06/09/2023	- Vay vốn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam.

- c. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy Ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo quản trị Công ty: là 5/6 người.

2. Ủy Ban kiểm toán:

a. Thành viên và cơ cấu của Ủy Ban Kiểm toán:

- Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội Đồng Quản trị Công ty gồm 01 Chủ tịch và 01 Thành viên. HĐQT phân công Ông Nguyễn Văn Khoa làm Chủ Tịch và quyết định chọn Ông Phan Ngọc Hùng là thành viên UBKT.

b. Hoạt động của Ủy Ban kiểm toán:

Trong năm tài chính 2023 (*niên độ kế toán từ 01/10/2022 đến 30/09/2023*), Ủy Ban kiểm toán đã thực hiện các công việc trọng tâm sau đây:

- Thu thập thông tin, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm soát, phân tích Báo cáo tài chính định kỳ, đảm bảo tính kịp thời và có chất lượng.
- Thực hiện thẩm định, phân tích, đánh giá về tình hình, kết quả kinh doanh và công tác quản trị doanh nghiệp theo định kỳ.
- Tham gia rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình quản lý, ... về quản trị nội bộ Công ty.
- Tham gia ý kiến trong việc tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD.
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động về quản lý tài sản, quản lý việc sử dụng vốn trong kinh doanh và thực thi các quy định đúng theo nội quy Công ty và quy định quản lý của luật pháp.
- Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, bảo quản tài sản, hàng hóa, kinh doanh dịch vụ, công nợ, tiền hàng tại các CHXD của Công ty.
- Thực hiện các công việc có liên quan khác của Công ty.
- Ủy Ban Kiểm Toán ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của Ban điều hành cũng như các bộ phận quản lý của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Công tác kiểm tra của Ủy Ban Kiểm Toán được thực hiện đầy đủ, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời các hoạt động để giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Thẩm định và soát xét báo cáo tài chính hàng quý, năm .

3. Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2023:

Về cổ tức năm 2022: Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 17.975.710.400 đồng (tương ứng 16%/VĐL) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 20/2022/NQ-NLSG ngày 15/12/2022.

Về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm tài chính 2023 đạt **35,602 tỷ đồng** bằng 128% so kế hoạch **27,835 tỷ đồng**, **tăng 7,767 tỷ (tỷ lệ tăng 28%)** so với kế hoạch. Thù lao HĐQT là 903.600.000 đồng, mức chi bằng 100% so với kế hoạch 903.600.000 đồng.
- Được sự ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2022, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 03/2023/NQ-NLSG ngày 09/03/2023 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và giám sát tình hình tài chính của Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn trong năm tài chính 2023 như sau:

a. Về Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2023: (đơn vị tính: đồng)

TÀI SẢN	Mã	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM	TĂNG (+) /GIẢM (-)	TỶ LỆ %
1	2	3	4	5=3-4	6=3/4
TÀI SẢN					
Tài sản ngắn hạn	100	171.496.657.801	105.953.868.078	65.542.789.723	161,86%
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	142.610.009.841	57.319.518.282	85.290.491.559	248,80%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	(30.000.000.000)	0,00%
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	8.721.036.662	10.944.589.699	(2.223.553.037)	79,68%
Hàng tồn kho	140	19.351.699.569	6.629.775.512	12.721.924.057	291,89%
Tài sản ngắn hạn khác	150	813.911.729	1.059.984.585	(246.072.856)	76,79%
Tài sản dài hạn	200	120.765.001.676	126.585.429.789	(5.820.428.113)	95,40%
Phải thu dài hạn khác	210	5.000.000	5.000.000	0	100,00%
Tài sản cố định	220	67.901.271.960	80.266.805.133	(12.365.533.173)	84,59%
Bất động sản đầu tư	230	36.245.362.070	31.286.155.838	4.959.206.232	115,85%
Tài sản dở dang dài hạn	240	2.234.800.000	915.900.909	1.318.899.091	244,00%
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.441.552.000	6.369.720.000	71.832.000	101,13%
Tài sản dài hạn khác	260	7.937.015.646	7.741.847.909	195.167.737	102,52%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	292.261.659.477	232.539.297.867	59.722.361.610	125,68%
NGUỒN VỐN					
Nợ phải trả	300	106.622.966.717	53.938.432.183	52.684.534.534	197,68%
Nợ ngắn hạn	310	102.598.462.617	37.082.949.083	65.515.513.534	276,67%
Nợ dài hạn	330	4.024.504.100	16.855.483.100	(12.830.979.000)	23,88%
Vốn chủ sở hữu	400	185.638.692.760	178.600.865.684	7.037.827.076	103,94%
Vốn đầu tư chủ sở hữu	411	112.914.590.000	112.914.590.000	0	100,00%
Thặng dư vốn cổ phần	412	9.220.495.600	9.220.495.600	0	100,00%

Cổ phiếu quỹ	415	(1.414.603.444)	(1.414.603.444)	0	100,00%
Quỹ đầu tư phát triển	418	39.398.471.894	39.398.471.894	0	100,00%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25.519.738.710	18.481.911.634	7.037.827.076	138,08%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	292.261.659.477	232.539.297.867	59.722.361.610	25,68%

b. Về báo cáo kết quả kinh doanh năm tài chính 2023 (đơn vị tính: đồng)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/10/2022 đến 30/09/2023	Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022	TĂNG (+) /GIẢM (-)	TỶ LỆ %
1	2	3	4	5=3-4	6=3/4
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.630.443.668.860	1.455.151.864.832	175.291.804.028	112,0%
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(66.907.636)	(58.072.453)	(8.835.183)	115,2%
Doanh thu thuần	10	1.630.376.761.224	1.455.093.792.379	175.282.968.845	112,0%
Giá vốn hàng bán	11	1.535.420.011.480	1.370.622.446.740	164.797.564.740	112,0%
Lợi nhuận gộp	20	94.956.749.744	84.471.345.639	10.485.404.105	112,4%
Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.615.922.556	4.221.440.549	394.482.007	109,3%
Chi phí tài chính	22	553.975.894	1.813.298.434	(1.259.322.540)	30,6%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	<i>625.807.894</i>	<i>1.757.818.434</i>	<i>(1.132.010.540)</i>	<i>35,6%</i>
Chi phí bán hàng	25	63.723.712.203	49.195.905.911	14.527.806.292	129,5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12.680.539.747	12.308.762.800	371.776.947	103,0%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	22.614.444.456	25.374.819.043	(2.760.374.587)	89,1%
Thu nhập khác	31	13.009.814.146	332.083.965	12.677.730.181	3917,6%
Chi phí khác	32	21.841.222	176.403.753	(154.562.531)	12,4%
Lợi nhuận khác	40	12.987.972.924	155.680.212	12.832.292.712	8342,7%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	35.602.417.380	25.530.499.255	10.071.918.125	139,5%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	7.756.488.558	5.722.283.191	2.034.205.367	135,5%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	462.789.172	462.789.172	0	100,0%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	28.308.717.994	20.271.005.236	8.037.712.758	139,7%

4. Nhận xét và kết luận chung về Báo cáo tài chính năm tài chính 2023:

- Báo cáo tài chính năm 2023 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn và được trình bày theo đúng qui định của Bộ tài chính. Việc sắp xếp, lưu trữ gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát.

- Báo cáo tài chính năm tài chính 2023 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/09/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ được trình bày theo đúng quy định của Bộ tài chính. Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý hiện hành. Sổ sách, chứng từ, báo cáo tài chính rõ ràng, số liệu chính xác. Công tác quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ chặt chẽ, thực hiện theo đúng qui định. Công tác kê khai và nộp thuế đầy đủ không để xảy ra các vi phạm. Việc sắp xếp, lưu trữ gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát.
- Về việc công bố thông tin: Công ty đã thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin định kỳ trên Sở Giao Dịch chứng khoán TP HCM theo đúng qui định của Bộ tài chính.

5. Kết quả giám sát đối với thành viên Ban Tổng Giám đốc

- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty qui định; đã tổ chức quản lý và điều hành Công ty đạt các chỉ tiêu kế hoạch sản lượng, lợi nhuận trước thuế năm tài chính 2023 và Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2022.
- Trong năm tài chính 2023 định kỳ Ban Tổng Giám đốc đều tổ chức họp giao ban mở rộng với các trưởng đơn vị trực thuộc. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT và Đại hội cổ đông đều được trình theo đúng phân cấp quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

6. Nhận xét đánh giá sự phối hợp giữa Ủy Ban Kiểm toán với Ban Tổng Giám đốc:

- Ủy Ban Kiểm toán được cung cấp tài liệu đầy đủ và mời tham dự các cuộc họp định kỳ do Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chủ trì để giám sát và tham gia ý kiến các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Công ty. Đồng thời Ủy Ban kiểm toán cũng thường xuyên phản hồi đến HĐQT và Ban Tổng Giám đốc về kết quả kiểm tra, hoạt động của mình và đề nghị các cấp quản lý có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, tuân thủ các qui định pháp lý, điều lệ, quy chế của Công ty.
- Nhìn chung những ý kiến đóng góp và phản hồi của Ủy Ban Kiểm toán với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý về hoạt động kinh doanh, đầu tư tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản đều được trao đổi thẳng thắn, công khai.

7. Kiến nghị của Ủy Ban kiểm toán:

Ủy Ban kiểm toán đề nghị Hội Đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính 2024 cần tập trung một số công việc sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, trong đó cần tập trung về công tác bán hàng, công nợ, phòng chống cháy nổ tại các CHXD.

- Nâng cao phong tác, ý thức người lao động trong việc bán hàng nhằm tạo niềm tin cho người tiêu dùng đối với thương hiệu của Công ty;

8. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích: của thành viên HĐQT và BTGD:

a/ Thù lao của HĐQT (bao gồm thuế thu nhập cá nhân): 903.600.000 đồng/năm

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 19.085.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng Quản trị: 13.055.000 đồng/tháng.

b/ Tiền lương của Tổng Giám Đốc: 861.000.000 đồng/năm

c/ Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	1.424.345	12,68%	1.424.345	12,68%	

d/ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

1-/ Giao dịch giữa công ty với các công ty mà thành viên HĐQT, thành viên UBKT, TGD đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, TGD điều hành trong thời gian **ba năm trở lại đây**.

- Ngày 05/01/2021 Hội đồng Quản trị biểu quyết thông qua việc ký hợp đồng mua dầu nhờn Revotec với Công ty Cổ phần Dầu Nhờn STS và Ký hợp đồng bán xăng dầu với Công ty Cổ phần Dầu Nhờn STS để thực hiện chương trình khuyến mãi.
- Ngày 12/01/2022 Hội đồng Quản trị biểu quyết thông qua việc ký hợp đồng mua xăng dầu như sau:
- Công ty SFC ký hợp đồng mua xăng dầu với Công ty Cổ phần Xăng Dầu và Dịch Vụ Hàng Hải STS (Công ty Mẹ).
- Ngày 01/01/2023 Công ty SFC đã Ký hợp đồng mua dầu nhờn Revotec với Công ty Cổ phần Dầu Nhờn STS.
- Ngày 31/01/2023 Công ty SFC đã ký hợp đồng mua xăng dầu với Công ty Cổ phần Xăng Dầu và Dịch Vụ Hàng Hải STS (Công ty Mẹ).

2-/ Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên UBKT, TGD điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: không có.

3-/Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên UBKT, Tổng Giám đốc điều hành: không có.

e/ Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ năm 2000 trở thành Công ty đại chúng, từ năm 2004 cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh. Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập và tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.
- Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Ban điều hành luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong ngành bán lẻ xăng dầu, đội ngũ quản trị Công ty luôn nỗ lực, hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023



Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023



Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("Giấy CNĐKDN") số 0300631013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH và ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 29 tháng 8 năm 2000 và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 22 vào ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch SFC theo Quyết định số 31/UBCN-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2004.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán lẻ xăng dầu, dầu nhờn trong các cửa hàng chuyên doanh và cho thuê mặt bằng và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 146E Đường Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty đang có 18 chi nhánh bán lẻ xăng dầu, dầu nhờn hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2022
Ông Phan Ngọc Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2022
Ông Vũ Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2022
Ông Trịnh Bá Bộ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2022
Ông Bùi Ngọc Thạch Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2022
Ông Phạm Trần Hiền	Thành viên	miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2022

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khoa	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2022
Ông Phan Ngọc Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trịnh Bá Bộ	Tổng Giám đốc
Bà Bùi Hoài Châu	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trịnh Bá Bộ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện Ban Tổng Giám đốc:



Trịnh Bá Bộ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2023

Số tham chiếu: 11540929/67348496-FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 11 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 9 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 15 tháng 11 năm 2022.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1



Ngô Đức Nhật
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5627-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		171.496.657.801	105.953.868.078
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	142.610.009.841	57.319.518.282
111	1. Tiền		29.110.009.841	19.319.518.282
112	2. Các khoản tương đương tiền		113.500.000.000	38.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	30.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	30.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.721.036.662	10.944.589.699
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	8.117.710.377	10.131.409.028
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		246.001.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	357.325.285	813.180.671
140	IV. Hàng tồn kho	7	19.351.699.569	6.629.775.512
141	1. Hàng tồn kho		19.351.699.569	6.629.775.512
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		813.911.729	1.059.984.585
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	813.911.729	1.059.984.585
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		120.765.001.676	126.585.429.789
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.000.000	5.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		5.000.000	5.000.000
220	II. Tài sản cố định		67.901.271.960	80.266.805.133
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	15.919.010.510	25.811.334.112
222	Nguyên giá		65.300.409.958	73.693.302.454
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(49.381.399.448)	(47.881.968.342)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	51.982.261.450	54.455.471.021
228	Nguyên giá		68.731.740.865	68.731.740.865
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.749.479.415)	(14.276.269.844)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	36.245.362.070	31.286.155.838
231	1. Nguyên giá		49.984.191.858	41.556.799.362
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(13.738.829.788)	(10.270.643.524)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.234.800.000	915.900.909
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	2.234.800.000	915.900.909
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		6.441.552.000	6.369.720.000
253	1. Đầu tư vào đơn vị khác	13	10.296.000.000	10.296.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13	(3.854.448.000)	(3.926.280.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.937.015.646	7.741.847.909
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	4.967.451.791	5.235.073.226
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	2.969.563.855	2.506.774.683
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		292.261.659.477	232.539.297.867

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		106.622.966.717	53.938.432.183
310	I. Nợ ngắn hạn		102.598.462.617	37.082.949.083
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	10.434.634.108	5.175.134.097
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		222.623.260	160.643.069
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	26.452.092.233	13.435.449.567
314	4. Phải trả người lao động		7.399.343.551	4.241.937.870
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		619.835.063	299.148.747
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		214.303.130	195.408.926
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	17.151.613.012	13.127.251.635
320	8. Vay ngắn hạn	17	38.000.000.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	2.104.018.260	447.975.172
330	II. Nợ dài hạn		4.024.504.100	16.855.483.100
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	4.024.504.100	5.564.024.100
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	-	11.291.459.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		185.638.692.760	178.600.865.684
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	185.638.692.760	178.600.865.684
411	1. Vốn cổ phần		112.914.590.000	112.914.590.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		112.914.590.000	112.914.590.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.220.495.600	9.220.495.600
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.414.603.444)	(1.414.603.444)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		39.398.471.894	39.398.471.894
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.519.738.710	18.481.911.634
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		506.201.234	238.006.950
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		25.013.537.476	18.243.904.684
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		292.261.659.477	232.539.297.867



Phạm Thị Thu Nga
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Trần Bá Bộ
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.630.443.668.860	1.455.151.864.832
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(66.907.636)	(58.072.453)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.630.376.761.224	1.455.093.792.379
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(1.535.420.011.480)	(1.370.622.446.740)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		94.956.749.744	84.471.345.639
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	4.615.922.556	4.221.440.549
22	7. Chi phí tài chính	23	(553.975.894)	(1.813.298.434)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(625.807.894)	(1.757.818.434)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(63.723.712.203)	(49.195.905.911)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(12.680.539.747)	(12.308.762.800)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.614.444.456	25.374.819.043
31	11. Thu nhập khác	25	13.009.814.146	332.083.965
32	12. Chi phí khác		(21.841.222)	(176.403.785)
40	13. Lợi nhuận khác		12.987.972.924	155.680.180
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		35.602.417.380	25.530.499.223
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(7.756.488.558)	(5.722.283.191)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	462.789.172	462.789.172
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		28.308.717.994	20.271.005.204
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.5	2.226	1.624
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.5	2.226	1.624

luc



ad

Phạm Thị Thu Nga
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Trần Bá Bộ
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		35.602.417.380	25.530.499.223
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao TSCĐ hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn TSCĐ vô hình	9, 10, 11	7.440.826.941	8.139.165.854
03	Hoàn nhập dự phòng		(11.363.291.000)	(71.439.973)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.615.922.556)	(4.084.747.863)
06	Chi phí lãi vay	23	625.807.894	1.757.818.434
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		27.689.838.659	31.271.295.675
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.774.602.351	(3.216.735.249)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(12.721.924.057)	10.047.704.063
11	Tăng các khoản phải trả		22.368.181.728	11.500.885.854
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		513.694.291	(1.397.109.512)
14	Lãi vay đã trả		(586.903.784)	(1.770.293.940)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.861.958.253)	(5.862.029.684)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		150.316.800	169.106.400
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.789.454.230)	(1.931.516.252)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		31.536.393.505	38.811.307.355
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản		(1.335.999.588)	(1.912.552.123)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		-	7.272.727
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(32.000.000.000)	(30.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		62.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		5.064.873.242	3.735.347.399
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		33.728.873.654	(28.169.931.997)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	17	188.153.623.000	594.010.151.200
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(150.153.623.000)	(621.258.477.680)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	20.2	(17.974.775.600)	(20.221.629.390)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		20.025.224.400	(47.469.955.870)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		85.290.491.559	(36.828.580.512)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	57.319.518.282	94.148.098.794
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	142.610.009.841	57.319.518.282





Phạm Thị Thu Nga
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Trịnh Bá Bộ
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("Giấy CNĐKDN") số 0300631013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH và ĐT) Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 29 tháng 8 năm 2000 và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 22 vào ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch SFC theo Quyết định số 31/UBCN-GPNT do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2004.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán lẻ xăng dầu, dầu nhờn trong các cửa hàng chuyên doanh và cho thuê mặt bằng và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 146E Đường Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty đang có 18 chi nhánh bán lẻ xăng dầu, dầu nhờn hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2023 là 179 người (ngày 30 tháng 9 năm 2022: 177 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới TSCĐ vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hoàn thành nghĩa vụ đóng tiền thuê đất đối với Nhà nước. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 13 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	29 - 43 năm
Phần mềm	10 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	48 - 50 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả dài hạn là Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính, thời điểm trích lập quỹ là thời điểm cuối năm tài chính. Ngày 7 tháng 2 năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 08/2023/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 24 tháng 3 năm 2023, bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 86/2016/TT-BTC nêu trên.

3.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh xăng dầu chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh xăng dầu trong một khu vực địa lý. Vì vậy, không có yêu cầu trình bày thêm thông tin bộ phận.

173
 TỶ
 HẠN
 N LI
 VI G
 JAN -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.955.702.370	4.709.169.513
Tiền gửi ngân hàng	18.426.620.371	14.610.348.769
Tiền đang chuyển	5.727.687.100	-
Các khoản tương đương tiền (*)	113.500.000.000	38.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>142.610.009.841</u>	<u>57.319.518.282</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng dụng theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	8.098.561.187	10.101.903.388
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	19.149.190	29.505.640
TỔNG CỘNG	<u>8.117.710.377</u>	<u>10.131.409.028</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi phải thu	141.542.465	590.493.151
Tạm ứng cho nhân viên	67.865.480	43.089.070
Khác	147.917.340	179.598.450
TỔNG CỘNG	<u>357.325.285</u>	<u>813.180.671</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	19.242.798.290	6.569.284.278
Công cụ dụng cụ, vật liệu phụ	108.901.279	60.491.234
TỔNG CỘNG	<u>19.351.699.569</u>	<u>6.629.775.512</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	813.911.729	1.059.984.585
Chi phí thuê mặt bằng	636.000.000	636.000.000
Chi phí sửa chữa	25.226.667	211.756.999
Chi phí khác	152.685.062	212.227.586
Dài hạn	4.967.451.791	5.235.073.226
Chi phí thuê mặt bằng	3.153.000.000	3.597.000.000
Chi phí sửa chữa	1.458.594.081	1.244.324.763
Chi phí công cụ, dụng cụ	351.489.710	347.433.463
Chi phí khác	4.368.000	46.315.000
TỔNG CỘNG	<u>5.781.363.520</u>	<u>6.295.057.811</u>



Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Số đầu năm	42.682.876.926	22.788.341.125	2.341.945.454	5.880.138.949	73.693.302.454
Mua trong năm	-	34.500.000	-	-	34.500.000
Phân loại lại	(8.427.392.496)	-	-	-	(8.427.392.496)
Số cuối năm	34.255.484.430	22.822.841.125	2.341.945.454	5.880.138.949	65.300.409.958
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	8.709.473.771	14.841.570.724	940.454.545	2.343.779.324	26.835.278.364
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(21.722.921.787)	(19.569.538.476)	(1.895.126.048)	(4.694.382.031)	(47.881.968.342)
Khấu hao trong năm	(1.852.068.396)	(1.317.580.988)	(140.149.092)	(429.073.574)	(3.738.872.050)
Phân loại lại	2.239.440.944	-	-	-	2.239.440.944
Số cuối năm	(21.335.549.239)	(20.887.119.464)	(2.035.275.140)	(5.123.455.605)	(49.381.399.448)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	20.959.955.139	3.218.802.649	446.819.406	1.185.756.918	25.811.334.112
Số cuối năm	12.919.935.191	1.935.721.661	306.670.314	756.683.344	15.919.010.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>67.316.740.865</u>	<u>1.415.000.000</u>	<u>68.731.740.865</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(13.241.155.757)	(1.035.114.087)	(14.276.269.844)
Hao mòn trong năm	<u>(2.330.858.119)</u>	<u>(142.351.452)</u>	<u>(2.473.209.571)</u>
Số cuối năm	<u>(15.572.013.876)</u>	<u>(1.177.465.539)</u>	<u>(16.749.479.415)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>54.075.585.108</u>	<u>379.885.913</u>	<u>54.455.471.021</u>
Số cuối năm	<u>51.744.726.989</u>	<u>237.534.461</u>	<u>51.982.261.450</u>

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	17.313.043.291	24.243.756.071	41.556.799.362
Phân loại lại	-	8.427.392.496	8.427.392.496
Số cuối năm	<u>17.313.043.291</u>	<u>32.671.148.567</u>	<u>49.984.191.858</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	280.884.000	280.884.000
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(4.000.811.059)	(6.269.832.465)	(10.270.643.524)
Khấu hao trong năm	(351.262.152)	(877.483.168)	(1.228.745.320)
Phân loại lại	-	(2.239.440.944)	(2.239.440.944)
Số cuối năm	<u>(4.352.073.211)</u>	<u>(9.386.756.577)</u>	<u>(13.738.829.788)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>13.312.232.232</u>	<u>17.973.923.606</u>	<u>31.286.155.838</u>
Số cuối năm	<u>12.960.970.080</u>	<u>23.284.391.990</u>	<u>36.245.362.070</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê mặt bằng, bất động sản đầu tư và chi phí hoạt động liên quan được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập cho thuê mặt bằng và bất động sản đầu tư	19.749.960.953	18.779.953.434
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	1.228.745.326	998.907.348

Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong *Thuyết minh số 31.1*.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 9 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phần mềm quản lý cửa hàng bán lẻ xăng dầu - EGAS	1.277.990.000	-
Công trình 1A Phạm Ngọc Thạch	956.810.000	915.900.909
TỔNG CỘNG	2.234.800.000	915.900.909

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Tên công ty	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND	Dự phòng VND
	%			%		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	0,17	10.000.000.000	(3.750.000.000)	0,17	10.000.000.000	(3.750.000.000)
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	0,08	296.000.000	(104.448.000)	0,08	296.000.000	(176.280.000)
TỔNG CỘNG		10.296.000.000	(3.854.448.000)		10.296.000.000	(3.926.280.000)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên thứ ba	1.832.364.108	2.126.649.097
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Số 1</i>	916.392.960	932.067.000
<i>Các bên khác</i>	915.971.148	1.194.582.097
Phải trả cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	8.602.270.000	3.048.485.000
TỔNG CỘNG	10.434.634.108	5.175.134.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế bảo vệ môi trường (*)	6.157.215.650	132.941.978.550	(126.090.916.200)	13.008.278.000
Tiền thuê đất	4.697.880.010	14.629.869.949	(11.320.516.882)	8.007.233.077
Thuế giá trị gia tăng	2.438.469.656	20.110.149.878	(19.151.725.515)	3.396.894.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	127.387.659	7.756.488.558	(5.861.958.253)	2.021.917.964
Thuế thu nhập cá nhân	14.496.592	555.939.034	(552.666.453)	17.769.173
Khác	-	225.364.383	(225.364.383)	-
TỔNG CỘNG	13.435.449.567	176.219.790.352	(163.203.147.686)	26.452.092.233

(*) Thuế suất áp dụng cho thuế bảo vệ môi trường trong năm như sau:

Loại xăng dầu	Từ ngày 1 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2023
	Xăng E5 RON 92 - II	950 VND/Lít
Xăng RON 95 - III	1.000 VND/Lít	2.000 VND/Lít
Xăng RON 97 - V	1.000 VND/Lít	2.000 VND/Lít
Dầu DO 0.05S	500 VND/Lít	1.000 VND/Lít

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	17.151.613.012	13.127.251.635
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đô Thành ("DOTHANHREAL") (*)	12.940.208.413	11.258.678.522
Ký quỹ, ký cược	3.295.415.600	1.046.695.600
Khác	915.988.999	821.877.513
Dài hạn	4.024.504.100	5.564.024.100
Ký quỹ, ký cược (*)	4.024.504.100	5.564.024.100
TỔNG CỘNG	21.176.117.112	18.691.275.735

(*) Đây là khoản phải trả liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ("HĐHTKD") số 01/2013/HĐHTKD-SFC&DOTHANHREAL ngày 9 tháng 7 năm 2013 giữa Công ty và DOTHANHREAL về việc góp vốn đầu tư xây dựng tòa nhà BETA Tower – số 1A Phạm Ngọc Thạch, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, hai bên chưa thống nhất hoàn tất các thủ tục pháp lý có liên quan đến HĐHTKD trên. Khoản tiền hàng năm nhận được từ DOTHANHREAL chưa ghi nhận doanh thu HĐHTKD, đã tạm nộp thuế GTGT và thuế TNDN trên số tiền nhận được từ DOTHANHREAL.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	-	188.153.623.000	(150.153.623.000)	38.000.000.000

Chi tiết khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	38.000.000.000	Từ ngày 20 đến ngày 23 tháng 10 năm 2023	Lãi suất áp dụng cho mỗi lần giải ngân

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	447.975.172	183.284.504
Tăng trong năm	3.445.497.318	2.196.206.920
Sử dụng quỹ	(1.789.454.230)	(1.931.516.252)
Số cuối năm	2.104.018.260	447.975.172

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường áp dụng từ năm 2016 theo quy định tại Thông tư số 86/20216/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2016. Công ty đã hoàn nhập số dư chưa được sử dụng của quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường vào thu nhập khác trong năm (*Thuyết minh 25*) theo hướng dẫn của Thông tư số 08/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 2 năm 2023 có hiệu lực từ ngày 24 tháng 3 năm 2023.

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước						
Số đầu năm	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	20.460.681.150	180.579.635.200
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	20.271.005.204	20.271.005.204
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(20.222.674.200)	(20.222.674.200)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.027.100.520)	(2.027.100.520)
Số cuối năm	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	18.481.911.634	178.600.865.684
Năm nay						
Số đầu năm	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	18.481.911.634	178.600.865.684
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	28.308.717.994	28.308.717.994
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(17.975.710.400)	(17.975.710.400)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.295.180.518)	(3.295.180.518)
Số cuối năm	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	25.519.738.710	185.638.692.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	112.914.590.000	112.914.590.000
Cổ tức đã chia		
Cổ tức công bố (i)	(17.975.710.400)	(20.222.674.200)
Cổ tức đã trả	(17.974.775.600)	(20.221.629.390)

(i) Trong năm, Công ty hoàn thành việc thanh toán cổ tức năm 2022 bằng tiền tại mức 16% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 20/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022.

20.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phần	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	11.291.459	11.291.459
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	11.291.459	11.291.459
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.291.459	11.291.459
Số lượng cổ phiếu quỹ	(56.640)	(56.640)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(56.640)	(56.640)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.234.819	11.234.819
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.234.819	11.234.819

20.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số đầu năm và số cuối năm		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	5.758.634	57.586.340.000	51,00
Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh	2.259.708	22.597.080.000	20,01
Ông Lê Trọng Hiếu	1.424.345	14.243.450.000	12,61
Các cổ đông khác	1.792.132	17.921.320.000	15,88
Cổ phiếu quỹ	56.640	566.400.000	0,50
TỔNG CỘNG	11.291.459	112.914.590.000	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.5 Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	28.308.717.994	20.271.005.204
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	<u>(3.295.180.519)</u>	<u>(2.027.100.520)</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	25.013.537.475	18.243.904.684
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	<u>11.234.819</u>	<u>11.234.819</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND) (Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)	<u>2.226</u>	<u>1.624</u>
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>2.226</u>	<u>1.624</u>

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.630.443.668.860	1.455.151.864.832
Trong đó:		
Doanh thu bán lẻ xăng dầu	1.610.693.707.907	1.436.371.911.398
Doanh thu cho thuê và cung cấp dịch vụ	19.749.960.953	18.779.953.434
Trừ	(66.907.636)	(58.072.453)
Chiết khấu thương mại	<u>(66.907.636)</u>	<u>(58.072.453)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.630.376.761.224</u>	<u>1.455.093.792.379</u>
Trong đó:		
Doanh thu buôn bán hàng hóa	1.610.626.800.271	1.436.313.838.945
Doanh thu cho thuê và cung cấp dịch vụ	19.749.960.953	18.779.953.434

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	<u>4.615.922.556</u>	<u>4.221.440.549</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán lẻ xăng dầu	1.534.191.266.154	1.369.623.539.392
Giá vốn cho thuê và cung cấp dịch vụ	<u>1.228.745.326</u>	<u>998.907.348</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.535.420.011.480</u>	<u>1.370.622.446.740</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	625.807.894	1.757.818.434
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng tổn thất đầu tư	<u>(71.832.000)</u>	<u>55.480.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>553.975.894</u>	<u>1.813.298.434</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	63.723.712.203	49.195.905.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.255.463.659	21.692.772.531
Chi phí nhân viên	26.845.420.258	19.568.761.385
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.400.275.104	3.713.847.159
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	547.393.558	441.925.087
Chi phí khác	4.675.159.624	3.778.599.749
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.680.539.747	12.308.762.800
Chi phí nhân viên quản lý	6.246.017.569	5.122.918.916
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.811.806.511	3.426.411.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	951.135.868	1.017.944.040
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	158.512.472	166.329.899
Chi phí khác	<u>2.513.067.327</u>	<u>2.575.158.598</u>
TỔNG CỘNG	<u>76.404.251.950</u>	<u>61.504.668.711</u>

25. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	11.291.459.000	-
Thu nhập từ phiếu xăng hết hạn sử dụng	1.699.292.752	-
Khác	<u>19.062.394</u>	<u>332.083.965</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.009.814.146</u>	<u>332.083.965</u>

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng hóa	1.534.191.266.154	1.369.623.539.392
Chi phí nhân viên	33.091.437.827	24.691.680.301
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	29.206.599.527	22.710.716.571
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10, 11 và 12)	7.440.826.941	8.139.165.854
Chi phí công cụ, dụng cụ	705.906.030	608.254.986
Chi phí khác	<u>7.188.226.951</u>	<u>6.353.758.347</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.611.824.263.430</u>	<u>1.432.127.115.451</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.756.488.558	5.722.283.191
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(462.789.172)</u>	<u>(462.789.172)</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.293.699.386</u>	<u>5.259.494.019</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>35.602.417.380</u>	<u>25.530.499.223</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	7.120.483.476	5.106.099.845
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	<u>173.215.910</u>	<u>153.394.174</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>7.293.699.386</u>	<u>5.259.494.019</u>

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	VND			
Hao mòn tài sản cố định vô hình	2.969.563.855	2.506.774.683	462.789.172	462.789.172
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	2.969.563.855	2.506.774.683		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			462.789.172	462.789.172

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có tồn tại sự kiểm soát và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu nhờn S.T.S	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	Cổ đông lớn
Ông Lê Trọng Hiếu	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT
Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Nhân sự chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Mua hàng hóa	1.539.993.190.918	1.352.224.555.453
	Chia cổ tức	9.213.814.400	10.365.541.200
	Bán hàng hóa	235.924.045	296.031.026
Công ty Cổ phần Dầu nhờn S.T.S	Mua hàng hóa	5.207.472.735	5.993.057.023
	Bán hàng hóa	28.753.235	52.749.227
Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	Chia cổ tức	3.615.532.800	4.067.474.400
Ông Lê Trọng Hiếu	Chia cổ tức	2.278.952.000	2.563.821.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Bán hàng hóa	19.149.190	24.810.940
Công ty Cổ phần Dầu nhờn S.T.S	Bán hàng hóa	-	4.694.700
TỔNG CỘNG		19.149.190	29.505.640
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Mua hàng hóa	8.602.270.000	2.359.045.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn S.T.S	Mua hàng hóa	-	689.440.000
TỔNG CỘNG		8.602.270.000	3.048.485.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ủy ban Kiểm toán ("UBKT") và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	229.000.000	204.000.000
Ông Trịnh Bá Bộ	Thành viên HĐQT		
	Tổng Giám đốc	1.060.967.599	810.449.890
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên HĐQT		
	Chủ tịch UBKT	154.175.000	122.400.000
Ông Bùi Ngọc Thạch Anh	Thành viên HĐQT	30.000.000	122.400.000
Ông Phạm Trần Hiền	Thành viên HĐQT	30.000.000	122.400.000
Ông Vũ Hùng	Thành viên HĐQT	124.175.000	-
Ông Phan Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT		
	Thành viên UBKT	164.075.000	156.060.000
Bà Bùi Hoài Châu	Thư ký HĐQT		
	Phó Tổng Giám đốc	403.043.931	324.851.778
TỔNG CỘNG		2.195.436.530	1.862.561.668



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2022 và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của năm nay. Chi tiết như sau:

	VND		
	Số đầu năm (đã trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của việc phân loại lại	Số đầu năm (trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Các khoản tương đương tiền	68.000.000.000	(30.000.000.000)	38.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	30.000.000.000	30.000.000.000
	<i>Năm trước (đã trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của việc phân loại lại</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	1.830.068.003	(30.000.000.000)	(28.169.931.997)
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	(6.828.580.512)	(30.000.000.000)	(36.828.580.512)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	87.319.518.282	(30.000.000.000)	57.319.518.282

30. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xăng dầu giữ hộ:		
Dầu DO 0.5S (lít)	540	46.531
Xăng RON 95 – III (lít)	15.000	194.487
Xăng E5 RON 92 (lít)	-	18.317

31. CAM KẾT THUÊ VÀ CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

Bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê Tòa nhà văn phòng SFC và các bất động sản đầu tư khác theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	14.577.093.377	14.351.935.087
Từ 1 đến 5 năm	54.421.209.982	56.007.257.255
Trên 5 năm	94.841.935.650	105.681.014.010
TỔNG CỘNG	<u>163.840.239.008</u>	<u>176.040.206.352</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CAM KẾT THUÊ VÀ CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

Bên đi thuê

Công ty hiện đang thuê mặt bằng và thuê đất cho các địa điểm kinh doanh xăng dầu. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	5.479.020.817	5.402.020.817
Từ 1 đến 5 năm	22.757.995.564	22.147.117.729
Trên 5 năm	<u>64.646.246.582</u>	<u>69.032.792.170</u>
TỔNG CỘNG	<u>92.883.262.962</u>	<u>96.581.930.715</u>

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Phạm Thị Thu Nga
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Trần Bá Bộ
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 11 năm 2023

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2023 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn